

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng  
nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM), trong những năm qua, bên cạnh các cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh ta đã ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015 (Nghị quyết số 43/2012/NQ-HĐND ngày 05/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Quyết định số 728/2013/QĐ-UBND ngày 01/3/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

Sau 3 năm thực hiện, cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng NTM của tỉnh đã phát huy hiệu quả tích cực, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM, đồng thời tạo động lực và khí thế thi đua giữa các xã trong việc phấn đấu hoàn thành chương trình xây dựng NTM. Kết quả hết năm 2014, bình quân toàn tỉnh đạt 11,8 tiêu chí/xã và đã có 45 xã đạt chuẩn NTM.

Tuy nhiên, do nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đáp ứng theo yêu cầu của tiêu chí NTM lớn, trong khi nguồn vốn ngân sách hỗ trợ còn hạn chế, việc huy động vốn của doanh nghiệp và cộng đồng dân cư gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, các xã miền núi trong những năm qua chưa có đủ điều kiện hưởng lợi nhiều từ chính sách của tỉnh nên chưa có chuyển biến rõ nét trong xây dựng NTM. Vì vậy, đến hết năm 2014 mới có 7,85% số xã đạt chuẩn NTM, thấp hơn so với bình quân chung cả nước (bình quân chung cả nước là 8,8%).

Từ thực tế trên, để hoàn thành mục tiêu giai đoạn 2016-2020 có trên 50% số xã đạt chuẩn NTM; căn cứ Kết luận số 63-KL/TU ngày 09/6/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 như sau:

**1. Hỗ trợ đầu tư các công trình: Trụ sở xã, Trung tâm văn hóa - thể thao xã, Trạm y tế xã.**

*a) Đối tượng hỗ trợ:*

Các xã nằm trong danh sách các xã đăng ký và có khả năng phấn đấu đạt chuẩn NTM trong giai đoạn 2016 - 2020 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

*b) Điều kiện hỗ trợ:*

- Các công trình: Trụ sở, Trạm y tế, Trung tâm văn hóa - thể thao xã phải phù hợp với điều kiện về xây mới và nâng cấp, cải tạo như sau:

+ Đối với công trình Trụ sở xã:

Xây dựng mới: Đối với các xã chưa có trụ sở xã hoặc đã có nhưng đang là nhà cấp IV, đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo an toàn; hoặc đã đầu tư xây dựng kiên cố nhưng diện tích sàn xây dựng dưới 300m<sup>2</sup>.

Nâng cấp, cải tạo: Đối với các xã đã có trụ sở làm việc kiên cố với diện tích sàn xây dựng từ 300 - 600m<sup>2</sup>, nay cần xây dựng bổ sung một số hạng mục để đạt chuẩn.

+ Đối với công trình Trạm y tế xã:

Xây dựng mới: Đối với các xã chưa có trạm y tế xã, hoặc đã có nhưng đang là nhà cấp IV, đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo an toàn; hoặc đã đầu tư xây dựng kiên cố nhưng diện tích sàn xây dựng dưới 150m<sup>2</sup>, chưa đáp ứng nhu cầu khám và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Nâng cấp, cải tạo: Đối với các xã đã đầu tư xây dựng kiên cố với diện tích sàn xây dựng từ 150-300m<sup>2</sup>, cần đầu tư thêm một số hạng mục để đạt chuẩn.

+ Đối với Trung tâm văn hóa - thể thao xã: Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới đối với các xã chưa có, hoặc đã có trung tâm văn hóa - thể thao xã nhưng đã hư hỏng, xuống cấp không thể sử dụng được cần phải xây dựng mới đồng bộ cả nhà văn hóa đa năng và sân thể thao phổ thông.

- Các công trình xây mới, nâng cấp nêu trên phải nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sau khi được hỗ trợ đầu tư phải đạt chuẩn theo tiêu chí NTM.

- Có cam kết vốn đối ứng của UBND xã, được UBND huyện thẩm định và đồng ý đưa vào danh sách đề nghị tỉnh hỗ trợ.

*c) Nguyên tắc hỗ trợ:*

Các công trình được hỗ trợ đầu tư phải phù hợp với điều kiện nêu tại mục a và b (nêu trên); trong giai đoạn 2016 - 2020 mỗi xã chỉ được hỗ trợ 01 công trình do xã tự lựa chọn trong các công trình: Trụ sở xã, Trạm y tế xã, Trung tâm văn hóa - thể thao xã; ưu tiên hỗ trợ trước cho các xã có khả năng sớm đạt chuẩn NTM.

*d) Mức hỗ trợ:*

- Công trình Trụ sở xã:

+ Đối với các xã thuộc huyện 30a, xã 135, xã bãi ngang ven biển: Hỗ trợ 4,5 tỷ đồng/công trình xây dựng mới; 1,3 tỷ đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

+ Đối với các xã miền núi ngoài các xã thuộc huyện 30a, xã 135: Hỗ trợ 4 tỷ đồng/công trình xây mới; 1,2 tỷ đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

+ Đối với các xã còn lại: Hỗ trợ 3,5 tỷ đồng/công trình xây mới; 01 tỷ đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

- Trạm y tế xã:

+ Đối với các xã thuộc huyện 30a, xã 135, xã bãi ngang ven biển: Hỗ trợ 2,2 tỷ đồng/công trình xây dựng mới; 650 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

+ Đối với các xã miền núi ngoài các xã thuộc huyện 30a, xã 135: Hỗ trợ 2 tỷ đồng/công trình xây dựng mới; 600 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

+ Đối với các xã còn lại: Hỗ trợ 1,8 tỷ đồng/công trình xây mới; 550 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

- Trung tâm văn hóa - thể thao xã:

+ Đối với các xã thuộc huyện 30a, xã 135, xã bãi ngang ven biển: Hỗ trợ 4,5 tỷ đồng/công trình xây mới.

+ Đối với các xã miền núi ngoài các xã thuộc huyện 30a, xã 135: Hỗ trợ 4 tỷ đồng/công trình xây mới.

+ Đối với các xã còn lại: Hỗ trợ 3,5 tỷ đồng/công trình xây mới.

*e) Trình tự, thủ tục hỗ trợ:*

- Hàng năm, căn cứ vào khả năng huy động và tự cân đối nguồn vốn của xã; căn cứ Đề án, Kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng của xã đã được UBND huyện phê duyệt, các xã lập tờ trình đề nghị hạng mục công trình được hưởng chính sách trong năm và cam kết vốn đối ứng gửi UBND huyện.

- UBND huyện trên cơ sở Tờ trình và danh mục công trình, dự án đề nghị đầu tư trong năm tới của các xã trên địa bàn, tiến hành thẩm định nguồn vốn đối ứng của từng xã đối với từng công trình, lập danh sách các công trình đề nghị hỗ trợ của huyện theo thứ tự ưu tiên (kèm theo báo cáo kết quả thẩm định vốn đối ứng của từng công trình); danh sách công trình đề nghị hỗ trợ của huyện gồm các nội dung: sự cần thiết phải đầu tư, tên chủ đầu tư, dự kiến quy mô quy đầu tư (theo thiết kế mẫu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành), dự kiến địa điểm xây dựng (đánh giá sơ bộ về hiện trạng và xác định nhu cầu sử dụng đất), dự kiến tổng mức đầu tư và xác định nguồn vốn đầu tư, gửi Văn Phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM tỉnh trước ngày 25 tháng 6 hàng năm để tổng hợp.

- Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trên cơ sở danh mục công trình do các xã đề nghị được UBND huyện tổng hợp và khả năng bố trí vốn của Trung ương, của tỉnh cho Chương trình MTQG về xây dựng NTM, trình Chủ tịch UBND tỉnh

phê duyệt danh mục, chủ trương hỗ trợ đầu tư các công trình cho năm sau trước ngày 15 tháng 7 hàng năm.

- Trên cơ sở danh mục, chủ trương hỗ trợ đầu tư đã được phê duyệt, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định giao kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư.

*g) Cơ chế đầu tư:*

Thực hiện theo quy định tại Điểm 4, Mục VI, Điều 1 Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020; Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020; Điều 10, Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNNPTNT ngày 14/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hợp nhất Thông tư liên tịch hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020.

*h) Cơ chế phân bổ vốn:*

Nguồn vốn thực hiện hàng năm được lấy từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ và nguồn vốn đối ứng của tỉnh, được phân bổ theo nguyên tắc:

- Vốn Trung ương hỗ trợ được phân bổ theo mức Trung ương quy định cho các loại xã;

- Vốn đối ứng của tỉnh bố trí bổ sung phần còn lại để đảm bảo mỗi xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 được hỗ trợ 01 công trình như quy định tại chính sách này.

**2. Hỗ trợ xã; thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM.**

*a) Đối tượng hỗ trợ:*

Hỗ trợ cho các xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 - 2020 được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận; các thôn, bản đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 - 2020 thuộc các xã miền núi, được Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận.

*b) Mức hỗ trợ:*

- Đối với xã đạt chuẩn NTM: Hỗ trợ 1 tỷ đồng/xã;

- Đối với thôn, bản đạt chuẩn NTM thuộc xã miền núi: Hỗ trợ 100 triệu đồng/thôn, bản.

*c) Trình tự, thủ tục hỗ trợ*

- Đối với xã đạt chuẩn NTM: Căn cứ Quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM của Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng

NTM tình phối hợp với Sở Tài chính trình Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ kinh phí hỗ trợ.

- Đối với thôn, bản đạt chuẩn NTM thuộc xã miền núi:

+ Trước ngày 30 tháng 01 hàng năm, UBND huyện tổng hợp danh sách các thôn, bản được công nhận đạt chuẩn NTM kèm theo các Quyết định công nhận gửi Văn phòng Điều phối Chương trình NTM.

+ Trên cơ sở đề nghị của UBND huyện, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM phối hợp với Sở Tài chính trình Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ kinh phí hỗ trợ.

*d) Sử dụng kinh phí được hỗ trợ:*

- Kinh phí hỗ trợ để thanh toán khối lượng đã thực hiện, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nhóm hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc đối tượng đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn các xã, thôn, bản.

- Giao UBND huyện chỉ đạo UBND xã, Ban Phát triển thôn, bản quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo theo đúng cơ chế quản lý nguồn vốn, cơ chế đầu tư của Chương trình MTQG xây dựng NTM.

### **3. Nhu cầu kinh phí, nguồn kinh phí**

*a) Nhu cầu kinh phí*

Tổng nhu cầu 2.163 tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ đầu tư công trình cho các xã đăng ký đạt chuẩn NTM được cấp có thẩm quyền phê duyệt: 880,5 tỷ đồng, bao gồm:

+ Hỗ trợ các công trình khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020: 762 tỷ đồng, trong đó: Trụ sở xã: 288 tỷ đồng; Trạm y tế xã: 62 tỷ đồng; Trung tâm văn hóa - thể thao xã: 412 tỷ đồng

+ Hỗ trợ các công trình khởi công năm 2014, 2015 còn thiếu vốn hỗ trợ theo chính sách: 118,5 tỷ đồng

- Hỗ trợ xã, thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM: 291,5 tỷ đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ xã đạt chuẩn NTM năm 2015 và giai đoạn 2016 - 2020: 247 tỷ đồng (năm 2015: 41 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020: 206 tỷ đồng)

+ Hỗ trợ thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 - 2020: 44,5 tỷ đồng.

- Hỗ trợ cho các xã còn lại: 991 tỷ đồng

*b) Nguồn kinh phí:*

- Ngân sách Trung ương: 1.547 tỷ đồng (chiếm 72%, bình quân 309,4 tỷ đồng/năm).

- Ngân sách tỉnh: 616 tỷ đồng (chiếm 28%, bình quân 123 tỷ đồng /năm)

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

#### **4. Thời gian thực hiện**

Từ năm 2016 đến hết năm 2020.

#### **5. Tổ chức thực hiện**

##### *a) Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM:*

- Chủ trì phối hợp với các địa phương rà soát, tổng hợp danh sách các xã đăng ký và có khả năng đạt chuẩn NTM hàng năm và cả giai đoạn trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để ưu tiên nguồn lực và tập trung chỉ đạo.

- Trên cơ sở đề nghị của các huyện và nguồn vốn ngân sách Trung ương, tỉnh bố trí cho chương trình xây dựng NTM hàng năm, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ vốn hỗ trợ cho các địa phương.

- Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện cơ chế, chính sách, báo cáo UBND tỉnh theo yêu cầu.

##### *b) Sở Kế hoạch và Đầu tư:*

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, đề xuất lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án để đầu tư xây dựng NTM.

##### *c) Sở Tài chính:*

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách xây dựng NTM.

- Theo dõi, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ xây dựng NTM theo quy định.

##### *d) Sở Xây dựng:*

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thiết kế mẫu cho phù hợp với điều kiện thực tế; theo dõi chất lượng thi công các công trình được hỗ trợ theo chính sách.

##### *e) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh:*

- Rà soát, đánh giá các tiêu chí xây dựng NTM thuộc các xã đăng ký đạt chuẩn NTM theo lĩnh vực quản lý.

- Xây dựng kế hoạch lồng ghép các Chương trình, dự án, chính sách do ngành quản lý phù hợp với mục tiêu xây dựng NTM của tỉnh.

##### *g) UBND các huyện, thị xã, thành phố:*

- Phổ biến cho các xã trên địa bàn nắm rõ các nội dung của cơ chế, chính sách này. Thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục hỗ trợ; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các xã, thôn, bản quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả. Chủ tịch UBND huyện chịu trách

nhệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật trong việc sử dụng kinh phí được hỗ trợ của các đối tượng.

- Huy động các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn để lồng ghép thực hiện chính sách.

- Định kỳ 6 tháng, năm báo cáo tiến độ thực hiện công trình và giải ngân nguồn vốn được hỗ trợ gửi Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

*h) UBND các xã:*

- Sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, công khai, dân chủ nguồn vốn hỗ trợ.
- Đảm bảo nguồn vốn đối ứng để thực hiện xây dựng công trình.
- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ.
- Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành.

*i) Ban Phát triển thôn, bản*

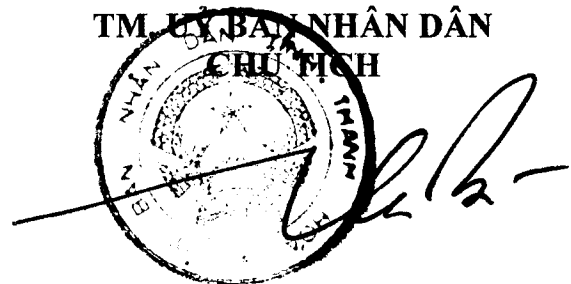
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành các tiêu chí NTM đảm bảo tiến độ.

- Sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, đảm bảo công khai, dân chủ nguồn vốn được hỗ trợ.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTr Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- Các uỷ viên UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu:VT, PgNN.



**Nguyễn Đình Xứng**

**DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2016-2020**

*(Kèm theo tờ trình số 121/TTr/UBND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh)*

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng cần hỗ trợ	Tổng kinh phí hỗ trợ	Trong đó									
					Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
					Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí
I	Hỗ trợ đầu tư công trình			880.500		158.000		196.500		168.000		172.000		186.000
1	Hỗ trợ các công trình khởi công mới giai đoạn 2016-2020			762.000		108.000		128.000		168.000		172.000		186.000
1.1	Trụ sở xã	CT	72	288.000	10	40.000	14	56.000	16	64.000	16	64.000	16	64.000
1.2	Trạm y tế	CT	31	62.000	6	12.000	6	12.000	6	12.000	6	12.000	7	14.000
1.3	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	CT	103	412.000	14	56.000	15	60.000	23	92.000	24	96.000	27	108.000
2	Hỗ trợ các công trình khởi công năm 2014, 2015 còn thiếu vốn hỗ trợ theo chính sách		75	118.500		50.000		68.500						
II	Hỗ trợ xã; thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM			291.500		84.900		43.900		51.900		51.900		58.900
1	Hỗ trợ xã đạt chuẩn NTM	xã	247	247.000	76	76.000	35	35.000	43	43.000	43	43.000	50	50.000
2	Hỗ trợ thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM	thôn, bản	445	44.500	89	8.900	89	8.900	89	8.900	89	8.900	89	8.900
III	Hỗ trợ các xã còn lại			991.000		198.000		198.000		198.000		198.000		199.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>2.163.000</b>		<b>440.900</b>		<b>438.400</b>		<b>417.900</b>		<b>421.900</b>		<b>443.900</b>



Thanh Hóa, ngày 19 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1386/SNN\$PTNT- VPĐP ngày 15/6/2015 của quý cơ quan đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc ban hành cơ chế chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020, căn cứ quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

### 1. Thẩm quyền ban hành văn bản

Tại Khoản 1, Điều 1 – Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 8/6/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc, cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 quy định “*Giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể đảm bảo, phù hợp với thực tế và yêu cầu hỗ trợ của từng địa phương*”. Do vậy, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự thảo Nghị quyết về việc ban hành cơ chế chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020 để báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành là phù hợp và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

### 2. Nội dung.

Nội dung dự thảo văn bản đã quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện và mức hỗ trợ cụ thể cho từng nội dung, công việc cụ thể phù hợp với quy định của Pháp luật và thực tế yêu cầu của địa phương đã được ban thường vụ tỉnh ủy thống nhất chủ trương tại Kết luận số 63-KL-/TU ngày 9/6/2015 của Ban thường vụ tỉnh ủy về cơ chế chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020. Do vậy, Sở Tư pháp thống nhất với nội dung dự thảo văn bản.

### 3. Về thể thức kỹ thuật trình bày văn bản:

Dự thảo Nghị quyết đáp ứng đầy đủ các thành phần thể thức và đảm bảo kỹ thuật trình bày theo quy định của pháp luật về thể thức thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản QPPL.

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu VT, XDVB.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Hữu Viên

Số: /2015/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2015

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng  
nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc, cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá; Báo cáo thẩm tra số ...../KTNS-HĐND ngày / /2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến tham gia của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2016-2020 với các nội dung sau:

**1. Hỗ trợ đầu tư các công trình: Trụ sở xã, Trạm y tế xã, Trung tâm văn hóa-thể thao xã**

a. Đối tượng hỗ trợ:

Các xã nằm trong danh sách các xã đăng ký và có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b. Điều kiện hỗ trợ:

- Các công trình: Trụ sở, Trạm y tế, Trung tâm văn hóa - thể thao xã phải phù hợp với điều kiện về xây mới và nâng cấp, cải tạo như sau:

+ Đối với công trình Trụ sở xã:

Xây dựng mới: Đối với các xã chưa có trụ sở xã hoặc đã có nhưng đang là nhà cấp IV, đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo an toàn; hoặc đã đầu tư xây dựng kiên cố nhưng diện tích sàn xây dựng dưới 300m<sup>2</sup>.

Nâng cấp, cải tạo: Đối với các xã đã có trụ sở làm việc kiên cố với diện tích sàn xây dựng từ 300-600m<sup>2</sup>, nay cần xây dựng bổ sung một số hạng mục để đạt chuẩn.

+ Đối với công trình Trạm y tế xã:

Xây dựng mới: Đối với các xã chưa có trạm y tế xã, hoặc đã có nhưng đang là nhà cấp IV, đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo an toàn; hoặc đã đầu tư xây dựng kiên cố nhưng diện tích sàn xây dựng dưới 150m<sup>2</sup>, chưa đáp ứng nhu cầu khám và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Nâng cấp, cải tạo: Đối với các xã đã đầu tư xây dựng kiên cố với diện tích sàn xây dựng từ 150-300m<sup>2</sup>, cần đầu tư thêm một số hạng mục để đạt chuẩn.

+ Đối với Trung tâm văn hóa - thể thao xã: Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới đối với các xã chưa có, hoặc đã có trung tâm văn hóa – thể thao xã nhưng đã hư hỏng, xuống cấp không thể sử dụng được cần phải xây dựng mới đồng bộ cả nhà văn hóa đa năng và sân thể thao phổ thông.

- Các công trình xây mới, nâng cấp nêu trên phải nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sau khi được hỗ trợ đầu tư phải đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới.

- Có cam kết vốn đối ứng của Ủy ban nhân dân xã, được Ủy ban nhân dân huyện thẩm định và đồng ý đưa vào danh sách đề nghị tỉnh hỗ trợ.

c. Nguyên tắc hỗ trợ: Các công trình được hỗ trợ đầu tư phải phù hợp với điều kiện nêu tại mục a và b (nêu trên); trong giai đoạn 2016-2020 mỗi xã chỉ được hỗ trợ 01 công trình do xã tự lựa chọn trong các công trình: Trụ sở xã, Trạm y tế xã, Trung tâm văn hóa – thể thao xã; ưu tiên hỗ trợ trước cho các xã có khả năng sớm đạt chuẩn nông thôn mới.

d. Mức hỗ trợ:

- Công trình Trụ sở xã:

+ Đối với các xã thuộc huyện 30a, xã 135, xã bãi ngang ven biển: Hỗ trợ 4,5 tỷ đồng/công trình xây dựng mới; 1,3 tỷ đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

+ Đối với các xã miền núi ngoài các xã thuộc huyện 30a, xã 135: Hỗ trợ 4 tỷ đồng/công trình xây mới; 1,2 tỷ đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

+ Đối với các xã còn lại: Hỗ trợ 3,5 tỷ đồng/công trình xây mới; 1 tỷ đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

- Trạm y tế xã:

+ Đối với các xã thuộc huyện 30a, xã 135, xã bãi ngang ven biển: Hỗ trợ 2,2 tỷ đồng/công trình xây dựng mới; 650 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

+ Đối với các xã miền núi ngoài các xã thuộc huyện 30a, xã 135: Hỗ trợ 2 tỷ đồng/công trình xây dựng mới; 600 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

+ Đối với các xã còn lại: Hỗ trợ 1,8 tỷ đồng/công trình xây mới; 550 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

- Trung tâm văn hóa - thể thao xã:
- + Đối với các xã thuộc huyện 30a, xã 135, xã bãi ngang ven biển: Hỗ trợ 4,5 tỷ đồng/công trình xây mới.
- + Đối với các xã miền núi ngoài các xã thuộc huyện 30a, xã 135: Hỗ trợ 4 tỷ đồng/công trình xây mới.
- + Đối với các xã còn lại: Hỗ trợ 3,5 tỷ đồng/công trình xây mới.

## **2. Hỗ trợ xã; thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới**

### **a. Đối tượng hỗ trợ:**

Hỗ trợ cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận; các thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 thuộc các xã miền núi, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định công nhận.

### **b. Mức hỗ trợ:**

- Đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới: Hỗ trợ 1 tỷ đồng/xã;
- Đối với thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc xã miền núi: Hỗ trợ 100 triệu đồng/thôn, bản.

## **3. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách:**

- Kinh phí hỗ trợ đầu tư các công trình Trụ sở xã, Trạm y tế và Trung tâm văn hóa - thể thao xã: Từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ cho Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Kinh phí hỗ trợ các xã, thôn, bản miền núi đạt chuẩn nông thôn mới: Từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho Chương trình xây dựng nông thôn mới.

## **4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2016-2020.**

**Điều 2.** Giao Ủy ban Nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, quy định cụ thể và tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng Nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng Nhân dân, các Ban của Hội đồng Nhân dân và đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh khoá XVI, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày tháng năm 2015./.*

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng: QH, CTN, CP;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Chiến**